TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số:71/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 8 -2022
V/v "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Thành

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương

2. Ông Điểu Kim Rương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Đình Thuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 165/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:76/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 03/8/2022; quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST- DS ngày 19/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thị G, sinh năm 1995, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

Tổ 1, ấp 1, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Điểu M, sinh năm 1993, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 4, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Thị G trình bày: Bà Thị G và ông Điểu M sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân là do vợ chồng cự cãi và xúc phạm nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm lo lắng chăm sóc, yêu thương và tôn trọng nhau. Bà Thị G thấy cuộc sống tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng đã

ly thân nên bà G làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Điểu M.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà G, ông Xcó 02 con chung tên Điểu Rô Ly N, sinh năm 2012 và Thị Quỳnh A, sinh năm 2016 . Hiện nay hai con chung đang ở với bà G, được bà G nuôi dưỡng nên bà G tự nguyện nuôi hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà G không yêu cầu ông Xcấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng.

Bị đơn ông Điểu M: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên ông Xkhông chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án nên không có bản tự khai, bày trình bày ý kiến của ông Điểu M.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị G:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bà Thị G ly hôn với ông Điểu M

- Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Điểu Rô Ly N, sinh năm 2012 và cháu Thị Quỳnh A, sinh năm 2016 cho bà Thị G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành tự lao động được.

Về cấp dưỡng: Nguyên đơn không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét

Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có nên nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét

Về nợ chung: Nguyên đơn khai không nợ ai và không ai nợ lại nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: Bà Thị G khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Điểu M, có nơi cư trú tại: Tổ 2, ấp 4, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Về thủ tục tố tụng: Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến vụ án cho ông Điểu M, tuy nhiên ông Điểu M không chấp hành theo triệu tập của Tòa án, nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa ngày 19/8/2022 ông Điểu M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa bà Thị G vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Điểu M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà Thị G và ông Điểu M.

- Xét yêu cầu khởi kiện của bà Thị G thấy rằng:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị G và ông Điểu M tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước. Hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại điều 08 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Thị G xác nhận đời sống chung không hạnh phúc, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên ghen tuông, không còn yêu thương nhau. Hiện nay vợ chồng đã ly thân. Qua xác minh tại nơi cư trú của đương sự đã xác định vợ chồng bà G, ông Xcó mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là không còn tin tưởng và yêu thương tôn trọng nhau, vợ chồng không còn chung sống hạnh phúc, hiện nay bà G, ông Xđã ly thân. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà G, ông Xđã trầm trọng kéo dài, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà G yêu cầu ly hôn với ông Xlà có cơ sở thực tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Qúa trình chung sống bà Thị Hạnh và ông Điểu M có một 02 con chung cháu Điểu Rô Ly Nguyên, sinh năm 2012 và cháu Thị Quỳnh A, sinh năm 2016, qua xác minh thực tế hiện nay cả 02 con chung đang ở với bà G, được bà G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hơn nữa cháu Điểu Rô Ly N nguyện vọng được ở với mẹ và quá trình giải quyết vụ án bà G yêu cầu Tòa án giải quyết được trực tiếp nuôi 02 chung, vì vậy cần giao 02 con chung cháu Điểu Rô Ly N, sinh năm 2012 và cháu Thị Quỳnh A, sinh năm 2016 cho bà G tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành tự lao động được là phù hợp thực tế.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không nợ ai và không ai nợ lại nên Hội đồng xét xử không xem xét

[7] Về án phí*:* Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[8] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự; Các Điều 8, 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị G

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bà Thị G ly hôn với ông Điểu M (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 101, ngày 06 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước).

2. Về con chung: Giao 02 con chung cháu Điểu Rô Ly N, sinh năm 2012 và cháu Thị Quỳnh A, sinh năm 2016 cho bà Thị G trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành tự lao động được.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đề việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

4. Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có nên không xem xét

5. Về nợ chung: Nguyên đơn khai không nợ ai và không ai nợ lại không xem xét.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Hạnh đã nộp theo biên lai thu số 0014002 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

DƯƠNG QUỐC THÀNH